

**Bản án số: 01/2018/DS-ST**

Ngày 12-01-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PQ, TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Kiệt***

***Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Lộc***

***2. Bà Phạm Thị Kiêm***

***- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung*** - Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PQ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 177/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số: 03/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1958**

Địa chỉ: Phường 1, thành phố Sa Đ, tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

**2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Thảo T, sinh năm 1979 (vắng mặt)**

Địa chỉ: Ấp Rạch H, xã Hàm N, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thu T, sinh năm 1957**  
(vợ ông Đ, ủy quyền cho ông Đ theo văn bản ủy quyền ngày 17-11-2017)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 10-10-2017 nguyên đơn trình bày:** Ngày 20-4-2017 vợ chồng ông Đ cho chị T vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), lãi

4%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, các có làm biên nhận và chị T có ký nhận nợ. Đến hạn trả nợ, chị T không thanh toán nợ gốc và lãi.

Nay vợ chồng ông Đ yêu cầu chị T trả số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng và trả lãi vay theo quy định của pháp luật 1,66%/tháng, tính từ ngày 20-4-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 12-01-2018 là 8 tháng 22 ngày. Được tính: 2.000.000.000 đồng x 1.66% x 8 tháng 22 ngày = 289.932.000 đồng - 200.000.000 đồng (lãi trả trước), tổng cộng 2.089.932.000 đồng (hai tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Tại phiên tòa, ông Đ xác nhận việc đưa tiền cho chị T bằng hình thức chuyển khoản, ông Đức nhờ con rể tên Nguyễn Vũ Trường G thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) phòng giao dịch Sa Đ chuyển vào tài khoản cho chị T. Nay ông Đ yêu cầu HĐXX buộc chị T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Đ toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên.

*Chị Phạm Thị Thảo T là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lời trình bày trong vụ án.*

#### **Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa như sau:**

**Về thủ tục tố tụng:** Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ, văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. HĐXX tiến hành xét xử vắng, bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **Về quan điểm giải quyết vụ án:**

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Phạm Thị Thảo T trả số tiền 2.000.000.000 đồng và tiền lãi sau khi căn trừ với số tiền lãi đã trả còn lại 89.932.000 đồng, tổng cộng 2.089.932.000 đồng cho vợ chồng ông Lê Minh Đ, bà Mai Thu T.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**1- Về tố tụng:** Chị Phạm Thị Thảo T là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do. HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

**2- Về nội dung vụ án:** Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ thấy rằng, ông Đ xác định có cho chị T vay số tiền 2.000.000.000 đồng, ông Đ nhờ con rể là anh Nguyễn Vũ Trường G chuyển vào tài khoản cho chị T vào các ngày 19-4-2017 số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 20-4-2017 số tiền 1.000.000.000 đồng, trong ngày chị T viết biên nhận nợ cho ông Đ.

Lời trình bày của ông Đ phù hợp với biên nhận nợ ngày 20-4-2017 có chữ ký xác nhận nợ của chị T, phù hợp với các giấy nộp tiền ngày 19-4-2017, ngày 20-4-2017, công văn số 444/2017/PGD Sa Đéc, ngày 18-12-2017 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Phòng Giao dịch Sa Đ và phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Vũ Trường G xác định vợ chồng ông Đ nhờ anh G chuyển vào tài khoản cho chị T số tiền 2.000.000.000 đồng. Như vậy, việc ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị T trả nợ vay là có căn cứ để xem xét.

Tại biên nhận vay tiền không nêu lãi vay, ông Đ xác định chỉ cho vay trong hạn 01 tháng, có thỏa thuận lãi vay 4%/tháng. Chị T có thanh toán tiền lãi được 2,5 tháng, tổng cộng 200.000.000 đồng tức đã thanh toán lãi đến ngày 05-7-2017. Việc thỏa thuận lãi 4% giữa các bên là trái với quy định của pháp luật.

Ông Đ thống nhất tính lại phần lãi đã trả trước giữa các bên theo quy định của pháp luật. Do đó, từ ngày 20-4-2017 đến ngày 12-01-2018 là 8 tháng 22 ngày. Được tính: 2.000.000.000 đồng x 1.66% x 8 tháng 22 ngày = 289.932.000 đồng - 200.000.000 đồng (lãi trả trước), còn lại 89.932.000 đồng. Buộc chị T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi nêu trên cho vợ chồng ông Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Đ, buộc chị Phạm Thị Thảo T trả cho vợ chồng ông Lê Minh Đ, bà Mai Thu T số tiền gốc và lãi là 2.089.932.000 đồng (hai tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Chị Phạm Thị Thảo T là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, không cung cấp tài liệu chứng cứ, lời khai và yêu cầu để HĐXX xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2

Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- **Về án phí:** Ông Lê Minh Đ khởi kiện được Tòa chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.870.000 đồng (ba mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0006309 ngày 20-10-2017. Chị Phạm Thị Thảo T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 2.89.932.000 đồng = 72.000.000 đồng + (89.932.000 đ x 2%) = 73.798.000 đồng (bảy mươi ba triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 146 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Đ.

2- Buộc chị Phạm Thị Thảo T trả cho vợ chồng ông Lê Minh Đ, bà Mai Thu T số tiền 2.089.932.000 đồng (hai tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3- **Về án phí:** Ông Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.870.000 đồng (ba mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0006309 ngày 20-10-2017. Chị Phạm Thị Thảo T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 73.798.000 đồng (bảy mươi ba triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

*thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện PQ;
- T.H.A DS huyện PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Kiệt**